

# QUY TẮC BẢO HIỂM TRÁCH NHIỆM DÂN SỰ CỦA CHỦ XE Ô TÔ

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 5688/QĐ-BHBV ngày 09 tháng 12 năm 2021  
của Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt)

## LƯU Ý QUAN TRỌNG

Bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự thực hiện theo quy định trong Nghị định số 03/2021/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 15/01/2021 và Thông tư số 04/2021/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 15/01/2021.

Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt nhận bảo hiểm tự nguyện trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới theo các quy định trong Quy tắc này.

Quý khách hàng xin vui lòng kiểm tra và đọc kỹ để chắc chắn rằng Quý khách hàng đã hiểu toàn bộ các nội dung được quy định trong Quy tắc bảo hiểm này. Xin lưu ý, việc Quý khách hàng ký vào Giấy yêu cầu bảo hiểm hoặc xác nhận yêu cầu bảo hiểm điện tử/cung cấp mã xác thực (OTP) là bằng chứng xác nhận việc Quý khách hàng đã hiểu rõ tất cả các nội dung được quy định trong Quy tắc này.

Khi xảy ra sự kiện bảo hiểm, Quý khách hàng vui lòng thông báo ngay cho BẢO VIỆT để được hỗ trợ và hướng dẫn khắc phục hậu quả tai nạn, giải quyết quyền lợi bảo hiểm cho quý khách.

## MỤC LỤC

<b>GIẢI THÍCH .....</b>	<b>3</b>
<b>PHẦN A – BẢO HIỂM BẮT BUỘC TRÁCH NHIỆM DÂN SỰ CỦA CHỦ XE CƠ GIỚI .....</b>	<b>4</b>
Chương I.....	4
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh .....	4
Điều 2. Đối tượng áp dụng.....	4
Điều 3. Giải thích từ ngữ.....	4
Chương II .....	5
Điều 4. Nguyên tắc tham gia bảo hiểm .....	5
Điều 5. Phạm vi bồi thường thiệt hại .....	5
Điều 6. Giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới (sau đây gọi là Giấy chứng nhận bảo hiểm) .....	5
Điều 7. Phí bảo hiểm và thanh toán phí bảo hiểm.....	6
Điều 8. Mức trách nhiệm Bảo hiểm .....	7
Điều 9. Thời hạn và hiệu lực bảo hiểm .....	7
Điều 10. Chấm dứt hợp đồng bảo hiểm.....	7
Điều 11. Hậu quả pháp lý của việc chấm dứt hợp đồng bảo hiểm .....	7
Điều 12. Giám định thiệt hại .....	9
Điều 13. Loại trừ trách nhiệm bảo hiểm.....	10
Điều 14. Bồi thường bảo hiểm .....	10
Điều 15. Hồ sơ bồi thường bảo hiểm .....	12
Điều 16. Thời hạn yêu cầu, thanh toán bồi thường .....	13
Điều 17. Quyền của bên mua bảo hiểm, người được bảo hiểm .....	13
Điều 18. Nghĩa vụ của bên mua bảo hiểm, người được bảo hiểm .....	13
Điều 19. Quyền của doanh nghiệp bảo hiểm.....	14
Điều 20. Nghĩa vụ của doanh nghiệp bảo hiểm .....	14
<b>PHẦN B – BẢO HIỂM TỰ NGUYỆN TRÁCH NHIỆM DÂN SỰ CHỦ XE Ô TÔ .....</b>	<b>16</b>
1. Quyền lợi bảo hiểm .....	16
2. Bảo hiểm thiệt hại xảy ra ngoài lãnh thổ Việt Nam .....	18
3. Các điều khoản bổ sung khác .....	18
4. Bảo hiểm trùng.....	18
5. Giải quyết tranh chấp .....	18
<b>PHỤ LỤC 01 - BẢNG QUY ĐỊNH TRẢ TIỀN BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI VỀ SỨC KHỎE, TÍNH MẠNG.....</b>	<b>19</b>

## GIẢI THÍCH

Trong Quy tắc bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới này, các từ ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:

1. **“Doanh nghiệp bảo hiểm/BẢO VIỆT”** là Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt được thành lập, tổ chức và hoạt động theo quy định của pháp luật ;
2. **“Bên mua bảo hiểm”** là tổ chức hoặc cá nhân sở hữu xe được bảo hiểm hoặc được chủ sở hữu xe được bảo hiểm giao chiếm hữu và/hoặc sử dụng hợp pháp giao kết Hợp đồng bảo hiểm với BẢO VIỆT và đóng phí bảo hiểm. Bên mua bảo hiểm có thể đồng thời là người được bảo hiểm hoặc người thụ hưởng;
3. **“Xe ô tô/Xe”** là xe cơ giới được quy định trên Giấy chứng nhận bảo hiểm/Đơn bảo hiểm/Hợp đồng bảo hiểm.
4. **“Bảng quy định trả tiền bồi thường thiệt hại”** là Bảng quy định trả tiền bồi thường thiệt hại về sức khỏe, tính mạng theo quy định tại Phụ lục I kèm theo Nghị định số 03/2021/NĐ-CP ngày 15/01/2021 của Chính phủ.

# PHẦN A – BẢO HIỂM BẮT BUỘC TRÁCH NHIỆM DÂN SỰ CỦA CHỦ XE CƠ GIỚI

*Trích quy định tại Nghị định số 03/2021/NĐ-CP của Chính phủ về bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới.*

## Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị định này quy định về bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới:

1. Bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới.
2. Quản lý, sử dụng Quỹ Bảo hiểm xe cơ giới.
3. Quản lý, vận hành và khai thác cơ sở dữ liệu bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới.
4. Trách nhiệm của các bộ, cơ quan ngang bộ và các tổ chức có liên quan trong việc thực hiện bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới.

### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Nghị định này áp dụng đối với:

1. Chủ xe cơ giới tham gia giao thông và hoạt động trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
2. Doanh nghiệp bảo hiểm được phép triển khai bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới theo quy định của pháp luật.
3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thực hiện bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới.

### **Điều 3. Giải thích từ ngữ**

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Chủ xe cơ giới là chủ sở hữu xe cơ giới hoặc được chủ sở hữu xe cơ giới giao chiếm hữu, sử dụng hợp pháp xe cơ giới.
2. Xe cơ giới bao gồm phương tiện giao thông cơ giới đường bộ và xe máy chuyên dùng, trong đó:
  - a) Phương tiện giao thông cơ giới đường bộ gồm xe ô tô; máy kéo; rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc được kéo bởi xe ô tô, máy kéo; xe mô tô hai bánh; xe mô tô ba bánh; xe gắn máy (kể cả xe máy điện) và các loại xe có kết cấu tương tự theo quy định của Luật Giao thông đường bộ.
  - b) Xe máy chuyên dùng gồm xe máy thi công, xe máy nông nghiệp, lâm nghiệp và các loại xe đặc chủng khác sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh theo quy định của Luật Giao thông đường bộ.
3. Bên thứ ba là người bị thiệt hại về sức khỏe, tính mạng, tài sản do xe cơ giới gây ra, trừ những người sau: